

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2013

THÔNG TƯ
Quy định về điều kiện kinh doanh than

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Năng lượng,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về điều kiện kinh doanh than như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về điều kiện kinh doanh than, bao gồm các hoạt động: Mua bán nội địa, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, vận tải, tàng trữ, đại lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp có hoạt động liên quan đến kinh doanh than trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Than: bao gồm tất cả các loại than hoá thạch và than có nguồn gốc hoá thạch dưới dạng nguyên khai hoặc đã qua chế biến.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền: là các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương (các Bộ) và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (UBND cấp tỉnh).

3. Than có nguồn gốc hợp pháp là than có xuất xứ thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Được khai thác hoặc tận thu từ các mỏ, điểm mỏ, bãi thải có Giấy phép khai thác, Giấy phép khai thác tận thu do cơ quan nhà nước có thẩm

quyền cấp, còn hiệu lực;

b) Được nhập khẩu hợp pháp;

c) Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tịch thu và phát mại;

d) Được chế biến theo Giấy chứng nhận đầu tư chế biến than tại cơ sở chế biến có Hợp đồng mua than ký trực tiếp với doanh nghiệp có nguồn than quy định tại các điểm a, b, c của khoản này.

Than nhập khẩu được xem là hợp pháp khi có Tờ khai hàng hóa than nhập khẩu có xác nhận của Hải quan cửa khẩu (bản sao có chứng thực theo quy định).

Đối với nguồn than tịch thu, phát mại, phải có các chứng từ sau: Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung công quỹ, Phiếu xuất kho, Biên bản bàn giao tài sản vi phạm hành chính bị tịch thu bán đấu giá (bản sao có chứng thực theo quy định).

4. Hoạt động kinh doanh than: là các hoạt động quy định tại Điều 1.

Điều 4. Điều kiện kinh doanh than

1. Chỉ doanh nghiệp mới được phép kinh doanh than.

2. Doanh nghiệp kinh doanh than phải được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong đó có đăng ký ngành nghề kinh doanh than.

3. Doanh nghiệp kinh doanh than tùy thuộc hoạt động kinh doanh cụ thể phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Sở hữu hoặc thuê địa điểm kinh doanh, phương tiện vận tải, phương tiện bốc rót, kho bãi, bến cảng, phương tiện cân, đo khối lượng than để phục vụ hoạt động kinh doanh và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kỹ thuật, điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ theo các quy định hiện hành.

b) Phương tiện vận tải phải có trang bị che chắn chống gây bụi, rơi vãi, bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường khi tham gia giao thông.

c) Địa điểm, vị trí các cảng và bến xuất than, nhận than phải phù hợp với quy hoạch bến cảng của địa phương, có kho chứa than, có trang thiết bị bốc rót lên phương tiện vận tải đảm bảo an toàn, có biện pháp bảo vệ môi trường.

d) Kho trữ than, trạm, cửa hàng kinh doanh than phải có ô chứa riêng biệt để chứa từng loại than khác nhau; vị trí đặt phải phù hợp với quy hoạch xây dựng của địa phương, bảo đảm các yêu cầu về môi trường, trật tự an toàn giao thông theo quy định hiện hành. Đối với than tự cháy phải có biện pháp, phương tiện phòng cháy - chữa cháy được cơ quan phòng cháy - chữa cháy địa phương kiểm tra và cấp phép.

đ) Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và nhân viên trực tiếp mua bán than,

nhân viên trực tiếp thực hiện dịch vụ kinh doanh than phải có chứng chỉ hành nghề được cấp theo các quy định hiện hành.

4. Doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh than có nguồn gốc hợp pháp.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý

1. Tổng cục Năng lượng (Bộ Công Thương) chịu trách nhiệm chủ trì và là đầu mối phối hợp với Bộ, ngành, địa phương liên quan định kỳ tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định của Thông tư này và các quy định pháp luật liên quan.

2. Căn cứ tình hình thực tế của hoạt động khai thác, gia công chế biến và kinh doanh than, Tổng cục Năng lượng có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương để xem xét điều chỉnh, bổ sung Thông tư này khi cần thiết.

3. Bộ Công Thương có quyền yêu cầu dừng hoạt động kinh doanh than đối với doanh nghiệp hoạt động kinh doanh than vi phạm các quy định của Thông tư này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013 và thay thế Thông tư số 04/2007/TT-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Bộ Công Thương hướng dẫn điều kiện kinh doanh than.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp có hoạt động liên quan đến kinh doanh than chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, doanh nghiệp phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Công Thương để xem xét, xử lý.

Nơi nhận:

- Ban bí thư TW Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao;
- Tòa án Nhân dân Tối cao;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Tổng cục Hải quan;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các Cục, Vụ thuộc Bộ Công Thương;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, TCNL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

